



HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân Cư Him Lam,
Phường Tân Hưng, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498
Fax: +84.28 6298 3490
Website: www.vietfood.org.vn Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

BẢN TIN SỐ 1519

(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN TRONG TUẦN

(TỪ NGÀY 19/08/2025 ĐẾN NGÀY 25/08/2025)

AI THI TRƯỜNG GẠO THẾ GIỚI:

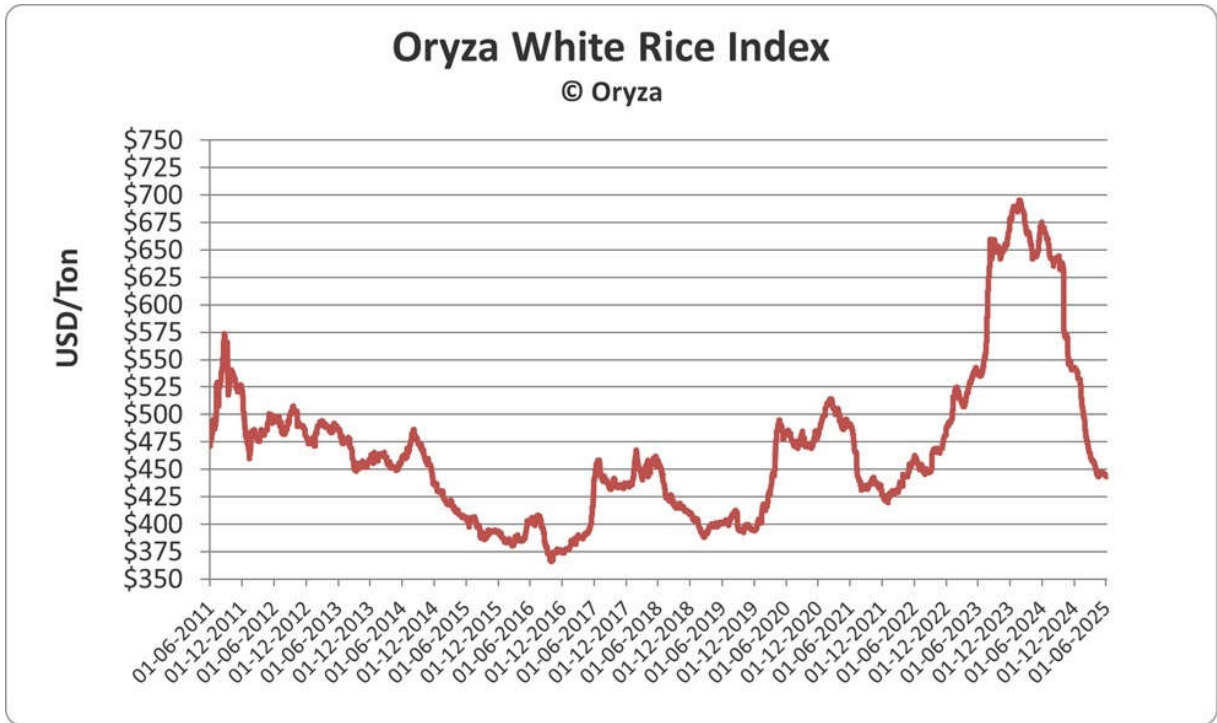
I. GIÁ GẠO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)

QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	19 – 08		20 – 08		21 – 08		22 – 08	
		min	max	min	max	min	max	min	max
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	364	368	364	368	364	368	364	368
	5% tấm	354	358	354	358	354	358	354	358
	25% tấm	334	338	334	338	334	338	334	338
	Hom Mali 92%	1044	1048	1049	1053	1044	1048	1049	1053
	Gạo đỏ 100% Stxd	363	367	363	367	363	367	363	367
	A1 Super	310	314	310	314	310	314	310	314
VIỆT NAM	5% tấm	399	403	399	403	399	403	399	403
	25% tấm	368	372	368	372	368	372	368	372
	Gạo thơm 5% tấm	465	470	465	470	455	460	455	460
	Jasmine	552	556	552	556	552	556	552	556
	100% tấm	335	339	335	339	335	339	335	339
ẤN ĐỘ	5% tấm	376	380	376	380	376	380	376	380
	25% tấm	360	364	360	364	360	364	360	364
	Gạo đỏ 5% Stxd	366	370	366	370	366	370	366	370
	100% tấm Stxd	327	331	327	331	327	331	327	331
PAKISTAN	5% tấm	355	359	355	359	355	359	355	359
	25% tấm	337	341	337	341	337	341	337	341
	100% tấm Stxd	307	311	307	311	307	311	307	311
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	358	362	358	362	358	362	358	362
MỸ	4% tấm	618	622	618	622	618	622	618	622
	15% tấm (Sacked)	593	642	593	642	593	642	593	642
	Gạo đỏ 4% tấm	858	862	858	862	858	862	858	862
	Calrose 4%	807	811	807	811	807	811	807	811

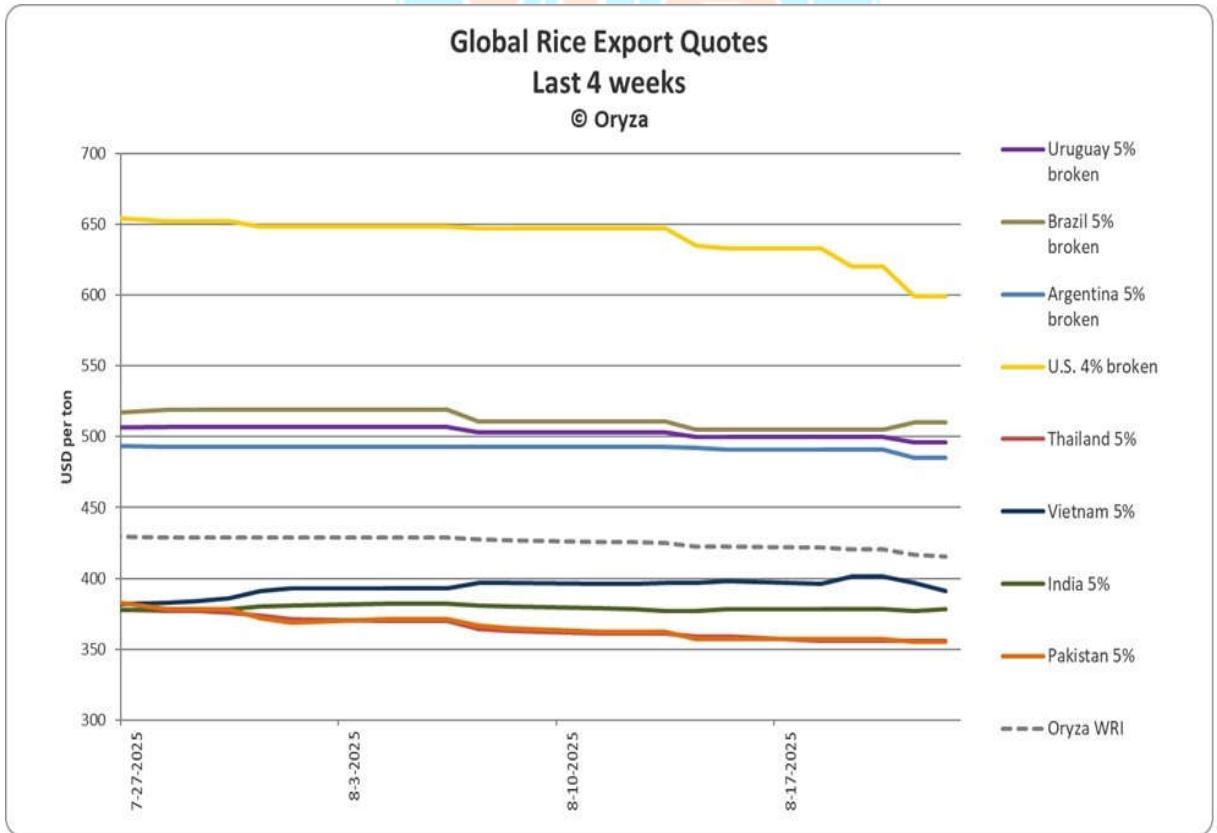
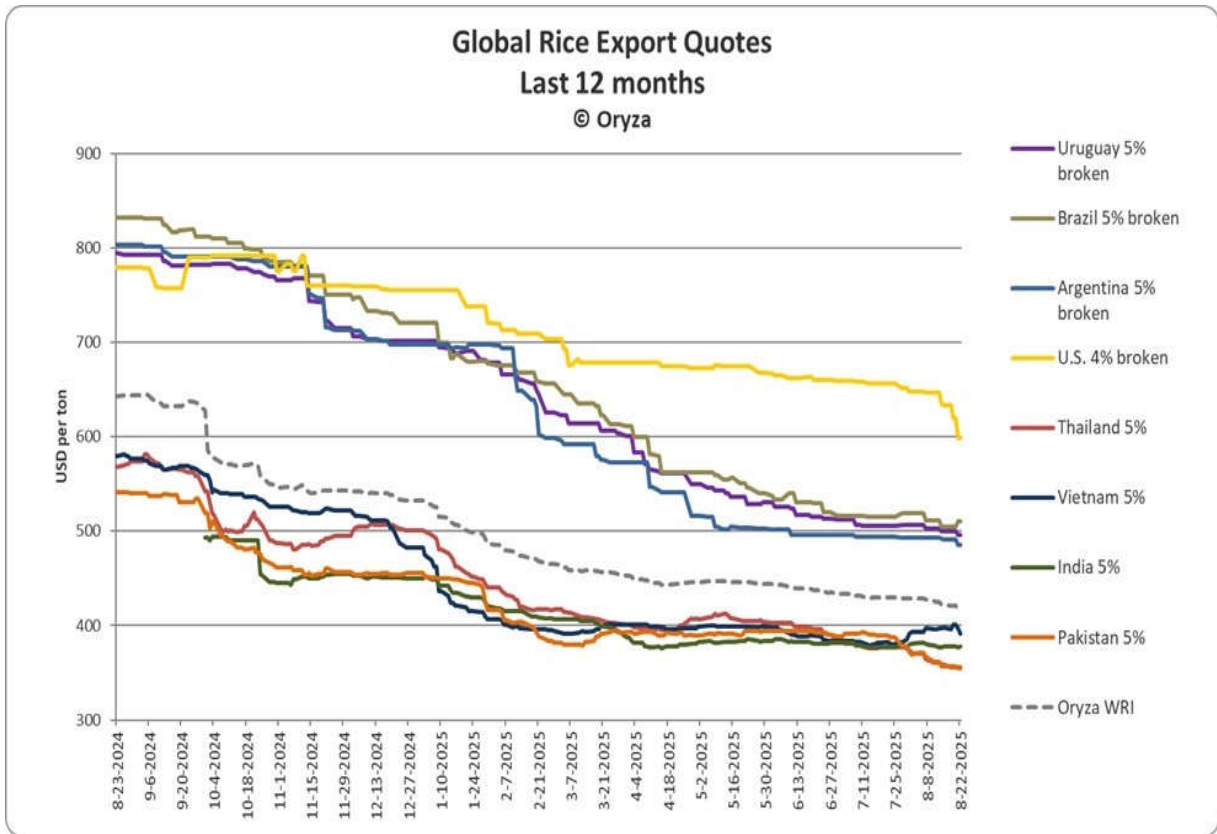
II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

*Tổng quan thị trường:



Chỉ số gạo trắng Oryza (WRI), chỉ số giá bình quân gia quyền gạo trắng xuất khẩu toàn cầu kết thúc tuần ở mức 416 USD/tấn, giảm 7 USD/tấn so với tuần trước, giảm 15 USD/tấn so với tháng trước và giảm 228 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.





Indonesia

Bộ trưởng Nông nghiệp Indonesia Andi Amran Sulaiman tuyên bố nước này có thể tự cung tự cấp gạo trong năm 2025, sớm hơn một năm so với mục tiêu ban đầu là 2026. Ông nhấn mạnh rằng dự trữ gạo đã tăng gấp bốn lần, từ 1 triệu tấn năm ngoái lên 4 triệu tấn, giúp củng cố an ninh lương thực. Với việc thời tiết ổn định và mùa màng bội thu, Indonesia dự kiến sẽ không phải nhập khẩu gạo trong ít nhất bốn tháng tới và có thể chính thức tuyên bố tự cung tự cấp vào tháng 12 năm 2025.

Bangladesh

Theo TBS News, động thái cho phép nhập khẩu miễn thuế 500.000 tấn gạo của Bangladesh nhằm hạ nhiệt giá gạo trong nước đã khiến giá gạo Ấn Độ tăng vọt, lên tới 14% chỉ trong vòng hai ngày. Giá bán lẻ tại Ấn Độ đã tăng vọt đối với các loại gạo phổ biến như Swarna, Miniket, Ratna và Sona Masoori, do các thương nhân đã tích trữ gạo gần biên giới với Ấn Độ Petrapole-Benapole đã nhanh chóng đẩy mạnh xuất khẩu ngay sau khi thông báo được đưa ra. Các quan chức tại Dhaka hy vọng việc nhập khẩu sẽ giảm bớt áp lực cho người tiêu dùng.

Trung Quốc

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), vào ngày 25 tháng 7 năm 2025, Trung Quốc đã thông báo cho WTO về Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia sửa đổi đối với Lúa Gạo, thay thế quy định GB 1350-2009. Tiêu chuẩn cập nhật này sửa đổi các định nghĩa về gạo nguyên cám và tạp chất, tăng hàm lượng gạo xô tối đa trong lúa từ 2% lên 4%, mở rộng phạm vi tham chiếu thử nghiệm và loại bỏ các yêu cầu vệ sinh trước đây. Tiêu chuẩn này áp dụng cho tất cả các loại gạo thương mại - trong nước và nhập khẩu - bao gồm thu mua, lưu trữ, vận chuyển, chế biến và bán, đồng thời loại trừ các loại gạo đặc biệt. Quy định này đưa ra các phân loại chi tiết về gạo, từ gạo Xian sớm và muộn đến gạo Geng và gạo nếp, với các tiêu chí phân loại mới dựa trên năng suất gạo xay xát, năng suất gạo nguyên cám, hàm lượng nước và tạp chất. Các phương pháp kiểm tra và thử nghiệm được chuẩn hóa theo các tham chiếu quốc gia, trong khi các quy tắc đóng gói, lưu trữ và vận chuyển nhấn mạnh vào độ sạch và khả năng chống nhiễm bẩn. Nhãn mác phải ghi rõ tên sản phẩm, chủng loại, cấp độ, xuất xứ và chi tiết thu hoạch. Các quy định mới áp dụng các nghĩa vụ kiểm tra, ghi nhãn và đóng gói nghiêm ngặt hơn đối với cả nhà sản xuất Trung Quốc và nhà xuất khẩu nước ngoài.

Hàn Quốc

Xuất khẩu gạo của Hàn Quốc sang Nhật Bản đang tăng vọt, với khối lượng xuất khẩu từ tháng 1 đến tháng 7 năm 2025 đạt khoảng 450 tấn - vượt xa kỷ lục trước đó là 16 tấn được thiết lập vào năm 2012 - và dự kiến sẽ đạt 900 tấn vào cuối năm, cao hơn 50 lần. Sự gia tăng này được thúc đẩy bởi giá gạo Nhật Bản tăng nhanh chóng, giúp gạo Japonica hạt ngắn của Hàn Quốc có sức cạnh tranh ngay cả khi chịu mức thuế quan cao. Đối với nông dân Hàn Quốc, vốn đang phải vật lộn với giá cả trong nước trì trệ và tiêu thụ giảm, Nhật Bản đang nổi lên như một thị trường mới quan trọng. Xuất khẩu không chỉ giúp ổn định nguồn cung dư thừa của Hàn Quốc mà còn giúp người tiêu dùng Nhật Bản tiếp cận gạo chất lượng cao với giá chỉ bằng gần một nửa so với gạo nội địa.

Tổng công ty Nông Thủy sản và Thực phẩm Hàn Quốc (KAFTC) đã hoàn thành phiên đấu thầu gạo TRQ lần thứ tư cho năm 2025 vào ngày 8 tháng 8, giành được 45.200 tấn gạo từ Việt Nam và Thái Lan. Các lô hàng mua từ Việt Nam bao gồm 11.000 tấn với giá 380 USD/tấn, 15.000 tấn với giá 376,3 USD/tấn, và 4.000 tấn với giá 361,8 USD/tấn, tất cả đều là gạo xay xát dùng cho các nhà máy bia. Từ Thái Lan, cơ quan này đã mua 11.000 tấn với giá 384 USD/tấn, 4.000 tấn với giá 378,8 USD/tấn, và 200 tấn gạo xay xát hạt dài với giá 1.084,9 USD/tấn.

Châu Phi

Các hiệp hội nông dân ở **Nigeria**, bao gồm AFAN và RIFAN, đang đả kích cho các tập đoàn, trung gian và thương nhân vô đạo đức đã thổi phồng giá gạo một cách giả tạo thông qua việc tích trữ và đóng gói lại, bất chấp các khoản trợ cấp của chính phủ và các quy định miễn trừ nhập khẩu. Một bao gạo nội địa 50 kg hiện có giá 43-53 USD - tăng gần 45% chỉ trong hai tháng - trong khi gạo nhãn hiệu nước ngoài đang được bán với giá lên tới 99 USD sau khi quy định miễn trừ nhập khẩu hết hạn. Nông dân cho rằng vấn đề nằm ở việc thao túng thị trường chứ không phải do sản lượng thấp và đang kêu gọi chính phủ làm việc trực tiếp với các nhà sản xuất chân chính và tăng cường giám sát. Các bên liên quan cảnh báo rằng nếu không có quy định chặt chẽ hơn và sự hỗ trợ của nông dân, giá gạo có thể tiếp tục tăng, làm trầm trọng thêm gánh nặng cho các hộ gia đình Nigeria.

Kenya đã phê duyệt nhập khẩu miễn thuế 500.000 tấn gạo, chủ yếu từ Ấn Độ và Pakistan, nhằm ổn định giá cả và đáp ứng nhu cầu dự kiến 1,5 triệu tấn vào năm 2025, trong bối cảnh sản lượng nội địa khoảng 260.000 tấn chỉ đáp ứng được 20% nhu cầu quốc gia. Trong khi chính phủ bảo vệ động thái này là cần thiết để đảm bảo nguồn cung lương thực cho các cơ sở như trường học và lực lượng an ninh, nông dân lại cho rằng hạn ngạch vượt quá

mức thâm hụt thực tế, cảnh báo rằng nó sẽ làm giảm giá và làm trầm trọng thêm tình trạng tồn kho chưa bán được của họ. Những người chỉ trích cáo buộc chính quyền khai báo quá mức tình trạng thiếu hụt để trục lợi cho các tập đoàn nhập khẩu có liên hệ chính trị, với một số đơn kiện đã được đệ trình lên tòa án. Mặc dù Bộ trưởng Nông nghiệp khẳng định có hợp đồng mua gạo nội địa, nhưng nông dân lo ngại việc thị trường liên tục tràn ngập hàng nhập khẩu giá rẻ có thể làm nản lòng việc trồng trọt và làm suy yếu an ninh lương thực dài hạn của Kenya, thay vào đó, họ kêu gọi đầu tư vào kho dự trữ, xay xát và các giống lúa tốt hơn.

Trong báo cáo GIEWS mới nhất, FAO dự báo sản lượng lúa gạo năm 2024 của **Ghana** đạt 1,721 triệu tấn, tăng đáng kể so với mức 1,443 triệu tấn của năm 2023 và cao hơn nhiều so với mức trung bình 5 năm là 1,154 triệu tấn. Vụ thu hoạch sắp tới, dự kiến diễn ra từ tháng 9 đến tháng 10 năm 2025, diễn ra trong điều kiện thời tiết phức tạp. Mặc dù mưa sớm hỗ trợ cây trồng sinh trưởng, nhưng hạn hán trong tháng 7, đặc biệt là ở Brong Ahafo và Ashanti, đã gây ra tình trạng căng thẳng cục bộ và tiềm ẩn nguy cơ thiếu hụt. Các biện pháp can thiệp của chính phủ - chẳng hạn như phân phối hạt giống chín sớm, phân bón và các khoản vay - đã giúp ổn định năng suất trong thời kỳ khô hạn năm 2024, dẫn đến sản lượng ngũ cốc cao hơn mức trung bình. Tuy nhiên, FAO cảnh báo rằng sản lượng và nguồn cung lúa gạo vẫn dễ bị ảnh hưởng bởi biến động lượng mưa và áp lực kinh tế rộng hơn, đặc biệt là ở miền Bắc Ghana.

Báo cáo của FAO GIEWS về **Sierra Leone** nhấn mạnh rằng việc gieo trồng lúa và ngũ cốc cho vụ mùa 2025 đã bắt đầu vào tháng 4–tháng 7, nhưng lượng mưa dưới mức trung bình từ giữa tháng 5 đến tháng 7 đã cản trở việc thiết lập cây trồng, đặc biệt là ở các khu vực phía bắc và phía đông, trong khi các khu vực phía tây và phía nam dự kiến sẽ phục hồi với lượng mưa gần mức trung bình được dự báo cho tháng 8–tháng 9. Triển vọng sản xuất được hỗ trợ thêm bởi chương trình Feed Salone của chính phủ (2024–2028), chương trình này thúc đẩy cơ giới hóa, hệ thống lúa được tưới tiêu, cải thiện khả năng tiếp cận hạt giống và phân phối đầu vào do khu vực tư nhân dẫn dắt. Năm 2024, tổng sản lượng ngũ cốc đạt 1,6 triệu tấn, cao hơn 16% so với mức trung bình 5 năm, với sản lượng lúa tăng 5,7% so với cùng kỳ năm trước lên 1,39 triệu tấn, nhờ đầu vào và máy móc tốt hơn bất chấp những thách thức về thời tiết cục bộ. Tình hình an ninh lương thực cũng được cải thiện vào năm 2025, với 1,2 triệu người bị mất an ninh lương thực nghiêm trọng trong mùa đói kém - giảm so với mức 1,6 triệu người vào năm 2024 - nhờ sản lượng ngũ cốc tăng và lạm phát giảm.

III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

Ấn Độ

Gạo 5% tấm của Ấn Độ hiện được chào bán ở mức khoảng 378 USD/tấn, không thay đổi so với tuần trước và tăng khoảng 1 USD/tấn so với tháng trước.

Tính đến ngày 15 tháng 8 năm 2025, diện tích trồng lúa Kharif của Ấn Độ đã tăng 9,8% so với cùng kỳ năm trước, đạt 39,859 triệu ha, nhờ mưa gió mùa bình thường, theo Bộ Nông nghiệp và Phúc lợi Nông dân. Cục Khí tượng Ấn Độ (IMD) báo cáo rằng cả nước đã nhận được 539 mm mưa từ ngày 1 tháng 6 đến ngày 10 tháng 8—cao hơn khoảng 1% so với mức trung bình dài hạn là 535,6 mm—mặc dù sự phân bố lượng mưa rất không đồng đều giữa các vùng. Trong số 36 bang và vùng lãnh thổ liên bang, 25 bang báo cáo lượng mưa bình thường, trong khi năm bang thiếu hụt, năm bang ghi nhận lượng mưa dư thừa, và Ladakh chứng kiến lượng mưa dư thừa lớn với 115% trên mức bình thường. Vùng Đông Bắc, bao gồm Arunachal Pradesh, Assam, Meghalaya, Sikkim và Bihar, đã trải qua tình trạng thiếu hụt lượng mưa từ 20–45%, trong khi Jharkhand, Delhi, Rajasthan, Madhya Pradesh và Puducherry báo cáo lượng mưa dư thừa từ 30–58%.

Punjab đang hướng tới một cuộc khủng hoảng thu mua lúa khác khi các nhà xay xát gạo từ chối xay xát các giống lúa lai, với lý do tỷ lệ gạo gãy cao 43–45%, không đạt tỷ lệ thành phẩm bắt buộc là 67%, mặc dù Tòa án cấp cao Punjab và Haryana đã dỡ bỏ lệnh cấm của bang đối với các loại hạt giống như vậy. Với việc lúa sắp về, các nhà xay xát đã cảnh báo rằng họ có thể không lưu trữ các giống lai, làm dấy lên lo ngại về tình trạng bất ổn của nông dân nếu cây trồng không được mua với Giá Hỗ trợ Tối thiểu (MSP). Chính quyền bang, nhắc nhở tình trạng bế tắc kéo dài của năm ngoái, đang cân nhắc việc kháng cáo bằng sáng chế và đã tìm kiếm sự can thiệp của chính phủ Liên bang. Vụ kharif năm nay, 3,249 triệu ha đang trồng lúa ở Punjab, bao gồm 681.000 ha lúa basmati. Trong khi các nhà xay xát cho rằng thua lỗ, ngành công nghiệp hạt giống đã hoan nghênh phán quyết của tòa án, nhấn mạnh lợi ích của giống lai là năng suất cao hơn, tiết kiệm nước, giảm lượng khí thải và tuân thủ các tiêu chuẩn xay xát quốc gia.

Thái Lan

Giá gạo 5% tấm của Thái Lan hiện ở mức khoảng 356 USD/tấn, giảm khoảng 3 USD/tấn so với tuần trước, giảm khoảng 22 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 212 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Bộ Thương mại Thái Lan lo ngại rằng việc Philippines tạm ngừng nhập khẩu gạo trong 60 ngày, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 9 năm 2025, nhằm bảo

vệ nông dân trong nước trước tình trạng giá lúa giảm, có thể làm gián đoạn hoạt động xuất khẩu, khiến các đơn hàng đang chờ xử lý gặp rủi ro. Philippines là một khách hàng quan trọng, nhập khẩu gạo Thái Lan với giá trị 333 triệu USD vào năm 2024 và 141.000 tấn trong nửa đầu năm 2025. Để bù đắp cho những tổn thất tiềm ẩn, Thái Lan có kế hoạch tăng cường hợp tác thương mại liên chính phủ với Trung Quốc, mở rộng sang các thị trường như Bangladesh, Ả Rập Xê Út và Iraq, đồng thời quảng bá gạo tại Nhật Bản và Hồng Kông thông qua các đoàn thương mại và chương trình roadshow của Hội nghị Gạo Thái Lan. Bất chấp sự sụt giảm trong ngắn hạn, các quan chức Thái Lan vẫn tự tin đạt được mục tiêu xuất khẩu 7,5 triệu tấn vào năm 2025.

Nội các Thái Lan đã phê duyệt gói viện trợ 114 tỷ baht (3,5 tỷ USD) để hỗ trợ nông dân trồng lúa bị ảnh hưởng bởi giá lúa giảm, kết hợp viện trợ tài chính trực tiếp và các biện pháp bình ổn giá. Nông dân sẽ nhận được 1.000 baht (30,7 USD)/rai.

Bản tóm tắt quốc gia mới nhất của FAO về GIEWS cho Thái Lan dự báo sản lượng lúa năm 2025 đạt 33,6 triệu tấn, gần mức trung bình 5 năm nhưng thấp hơn một chút so với mức năm 2024, do giá lúa thấp hơn dự kiến sẽ làm giảm việc gieo trồng. Mùa mưa đến đúng lúc và lượng mưa vừa đủ đã hỗ trợ cây trồng phát triển tốt, với không ảnh cho thấy thảm thực vật tươi tốt và không có dấu hiệu hạn hán. Mặc dù điều kiện thuận lợi, xuất khẩu gạo dự kiến sẽ giảm xuống còn 7,9 triệu tấn vào năm 2025 từ 9,9 triệu tấn vào năm 2024 do cạnh tranh toàn cầu gay gắt hơn. Trong nước, giá gạo vào tháng 7 năm 2025 thấp hơn khoảng 45% so với cùng kỳ năm trước, phản ánh nguồn cung dồi dào và xuất khẩu yếu hơn, buộc chính phủ phải can thiệp bằng các biện pháp như bình ổn giá và cho vay hoãn bán lúa.

Pakistan

Giá gạo 5% tấm của Pakistan hiện được báo giá khoảng 355 USD/tấn, giảm khoảng 2 USD/tấn so với một tuần trước, giảm khoảng 34 USD/tấn so với một tháng trước và giảm khoảng 186 USD/tấn so với một năm trước.

Pakistan và Iran đã có bước tiến lớn trong việc tăng cường quan hệ nông nghiệp và thương mại, với việc Iran đồng ý mua một phần đáng kể gạo nhập khẩu từ Pakistan sau cuộc họp cấp bộ trưởng mang tính bước ngoặt tại Tehran. Thỏa thuận này hứa hẹn với nông dân Pakistan một thị trường xuất khẩu ổn định, lâu dài, đồng thời giải quyết các rào cản thương mại và mở rộng cơ hội xuất khẩu xoài, thịt và ngô. Cả hai quốc gia cam kết tăng cường hợp tác thông qua việc nâng cấp cơ sở hạ tầng biên giới, hệ thống chuỗi cung ứng lạnh và đơn giản hóa thủ tục hải quan để thúc đẩy thương mại các mặt hàng dễ hỏng. Ngoài ra, Iran cam kết nhập khẩu tới 60% nhu cầu thịt và gia

súc từ Pakistan, cùng với các hoạt động hợp tác nghiên cứu chung về quản lý nước, chăn nuôi và các phương pháp canh tác hiện đại. Cuộc họp kết thúc bằng việc ký kết Thông cáo chung và cam kết theo đuổi Hiệp định Thương mại Tự do (FTA), đánh dấu một kỷ nguyên mới trong hợp tác nông nghiệp Pakistan-Iran với trọng tâm là thương mại gạo.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	18 – 08	19 – 08	20 – 08	21 – 08	22 – 08
Trung Quốc (CNY/USD)	7.19	7.18	7.17	7.18	7.17
Châu Âu (EUR/USD)	0.86	0.86	0.86	0.86	0.85
Indonesia Rupiah (IDR/USD)	16202.60	16288.79	16303.31	16342.23	16247.64
Malaysia Ringgit (MYR/USD)	4.22	4.22	4.23	4.22	4.23
Philippines Peso (PHP/USD)	57.00	57.16	57.09	57.16	56.54
Hàn Quốc (KRW/USD)	1387.53	1392.32	1398.00	1402.16	1382.38
Nhật Bn Yen (JPY/USD)	147.77	147.73	147.19	148.35	146.82
Ấn Độ Rupee (INR/USD)	87.32	87.03	87.04	87.32	87.33
Miến Điện (MMK/USD)	2098.53	2098.71	2098.93	2099.61	2098.96
Pakistan Rupees (PKR/USD)	283.37	283.00	282.70	283.03	283.26
Thái Lan Baht (THB/USD)	32.50	32.58	32.56	32.66	32.37
Việt Nam Đồng (VND/USD)	26293.03	26258.77	26387.46	26412.15	26349.85

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:

*** Tiến độ sản xuất:**

Tính đến ngày 25/08/2025, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & PTNT, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

+ Vụ Hè Thu 2025 đã xuống giống được 1,829 triệu ha, diện tích thu hoạch được khoảng 1,085 triệu ha, với năng suất 60,15 tạ/ha, sản lượng ước đạt 6,526 triệu tấn lúa.

+ Vụ Thu Đông đã xuống giống được 581 ngàn ha/700 triệu ha diện tích kế hoạch đạt 83%.

+ Vụ Mùa đã xuống giống được 145 ngàn ha/337 triệu ha diện tích kế hoạch đạt 43%.

II. KẾT QUẢ XUẤT KHẨU:

Theo số liệu tổng hợp, lượng xuất khẩu từ ngày 01/08 đến 15/08/2025 đạt 364.624 tấn, trị giá 180,231 triệu USD, so với cùng kỳ về số lượng giảm 10,40% và về trị giá giảm 24,84%%. Lũy kế xuất khẩu gạo đến 15/08/2025 đạt **5,875 triệu tấn**, trị giá **3,007 tỷ USD**, so với cùng kỳ 2024 tăng 2,88% về số lượng và giảm 16,00% về trị giá.

III. BẢNG TÀU ĐANG XẾP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/08 – 25/08/2025 có 57 tàu vào các cảng Hồ Chí Minh và Mỹ Tho xếp hàng với số lượng dự kiến 505.700 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Tân An Bonanza	HCM	01/08/2025	6.800	Philippines
2	Việt Hải Sun	HCM	01/08/2025	6.800	Philippines
3	TTC An Bình	HCM	02/08/2025	4.000	Philippines
4	Vinacomin Hạ Long	HCM	02/08/2025	7.400	Philippines
5	Phú An 369	HCM	03/08/2025	4.750	Philippines
6	VTV Sky	HCM	03/08/2025	6.000	Philippines
7	HPC Liberty	HCM	04/08/2025	29.000	Châu Phi
8	Long Tân 03	HCM	04/08/2025	4.850	Philippines
9	Phúc Thịnh 89	HCM	05/08/2025	4.800	Philippines
10	Mekong	HCM	06/08/2025	4.100	Philippines
11	Mỹ Hưng	HCM	07/08/2025	7.000	Philippines
12	Green Bay	Mỹ Tho	09/08/2025	3.900	Philippines
13	Hàm Rồng 08	HCM	09/08/2025	2.100	Malaysia
14	Tân An 01	HCM	09/08/2025	4.750	Philippines
15	Thor Madoc	HCM	09/08/2025	45.000	Châu Phi
16	Viễn Đông 09	HCM	09/08/2025	6.000	Philippines
17	Emest Vinberg	HCM	10/08/2025	54.000	Châu Phi
18	Kiến Hưng	HCM	10/08/2025	3.400	Philippines
19	Mekong Star	HCM	10/08/2025	2.950	Philippines
20	Royal 18	HCM	10/08/2025	5.000	Philippines
21	Tuấn Dũng 36	HCM	10/08/2025	6.100	Philippines
22	Panoria	HCM	11/08/2025	50.000	Châu Phi
23	Seagul Lucky	HCM	11/08/2025	12.500	Philippines
24	Lucky Star 16	HCM	12/08/2025	6.500	Philippines
25	Sông Diễm Ocean	HCM	12/08/2025	4.850	Philippines
26	Brother 39	HCM	13/08/2025	4.800	Philippines
27	Ocean Bright	HCM	13/08/2025	6.800	Philippines

Bản tin 1519 (Từ Ngày 19/08/2025 Đến Ngày 25/08/2025)

28	Royal 16	HCM	13/08/2025	5.000	Philippines
29	Star 55	HCM	13/08/2025	7.300	Philippines
30	Việt Hải Sun	HCM	13/08/2025	6.800	Philippines
31	Vinh Quang Green	HCM	13/08/2025	4.800	Philippines
32	Star 62	HCM	14/08/2025	2.000	Philippines
33	Long Tân 99	HCM	15/08/2025	4.850	Philippines
34	Aquamarine	HCM	16/08/2025	6.000	Philippines
35	Green Pacific	Mỹ Thới	16/08/2025	4.000	Philippines
36	Oriental Bay	HCM	16/08/2025	4.800	Philippines
37	An Thịnh Phú 08	HCM	17/08/2025	6.300	Philippines
38	Green Sky	HCM	17/08/2025	4.000	Philippines
39	Ocean 88	HCM	17/08/2025	11.000	Philippines
40	Tân An Dynamic	HCM	17/08/2025	6.800	Philippines
41	Hải Bình	HCM	18/08/2025	4.000	Philippines
42	Tân An Endeavor	HCM	18/08/2025	4.700	Philippines
43	Tân An Advance	HCM	19/08/2025	6.500	Philippines
44	Tân An Honesty	HCM	19/08/2025	4.100	Philippines
45	Vinh Quang Glory	HCM	19/08/2025	3.150	Philippines
46	Bless Gold	HCM	20/08/2025	10.500	Philippines
47	Green Atlantic	HCM	20/08/2025	4.000	Philippines
48	Oriental Star	HCM	20/08/2025	4.800	Philippines
49	Sunshine Star	HCM	20/08/2025	5.000	Philippines
50	Brother 16	Mỹ Thới	21/08/2025	4.050	Philippines
51	Dancewood SW	HCM	21/08/2025	25.000	Châu Phi
52	Doric Javelin	HCM	21/08/2025	16.500	Châu Phi
53	North Star	Mỹ Thới	21/08/2025	4.500	Philippines
54	Maxan 8	HCM	22/08/2025	4.800	Philippines
55	MD Sky	HCM	23/08/2025	12.500	Philippines
56	Thái Bình 39	HCM	23/08/2025	4.800	Philippines
57	TD Fortune	HCM	24/08/2025	9.000	Philippines
Tổng				505.700	

IV. GIÁ LÚA/GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	21/08	+/-	21/08	+/-	21/08	+/-	21/08	+/-	21/08	+/-	21/08	+/-	21/08	+/-		
Lúa Tươi Tại Ruộng																
Hạt dài	5.650	-600	5.950	-250	5.750	-400	5.750	-300	5.700	-350	6.250	-250	6.250	-250	6.250	5.900
Lúa thường	5.450	-100	5.750	+100	5.450	-50	5.450	-400	5.575	-225	5.750	-100	5.550	-	5.750	5.568
Lúa Khô/Ướt Tại Kho																
Hạt dài	7.050	-600	7.300	-325	7.100	-450	7.100	-450	6.850	-400			7.650	-600	7.650	7.175
Lúa thường	6.850	-600	7.050	+100	6.550	-	6.550	-100	6.750	-200			6.950	-	7.050	6.783
Gao Nguyên Liệu																
Lứt loại 1	7.050	-1.500	9.450	+300	8.450	-900	8.400	-650	8.550	-250			9.650	-400	9.650	8.592
Lứt loại 2	6.850	-1.600	8.550	-	8.400	-175	8.350	-200	8.525	-50	8.550	-25	8.550	-	8.550	8.254
Xát trắng loại 1			10.600	-550			9.450	-1.225	9.900	-500	10.750	-550	10.750	-550	10.750	10.290
Xát trắng loại 2			9.550	+100			9.250	-475	9.450	-200	9.550	-175	9.550	-	9.550	9.470
Phụ Phẩm																
Tám 1/2	7.450	-	7.650	-50	7.550	-	7.550	+25	7.500	-75	7.650	-50	7.450	-100	7.650	7.543
Tám 2/3			7.450	-150	7.550	-			7.150	-150			7.050	-	7.550	7.300
Tám 3/4	6.450	-500	7.350	-150	7.250	-100									7.350	7.017
Cám xát	6.150	-	6.400	-550	6.250	-200	6.200	+50	6.250	-	6.400	-550	6.150	-500	6.400	6.257
Cám lau	6.150	-	6.350	-500	6.250	-200	6.200	+50	6.250	-	6.350	-500	6.250	-500	6.350	6.257
Gao TPXK Không Bao Tại Man																
5%	9.850	-50	9.850	-	9.800	-50	9.850	-50	9.850	+100	10.125	-	10.125	-	10.125	9.921
10%			9.750	-					9.650	+100					9.750	9.700
15%	9.650	-50	9.650	-	9.600	-50	9.650	-	9.450	+100	9.850	-	9.850	-	9.850	9.671
20%									9.150	+100					9.150	9.150
25%	9.450	-50	9.050	-	9.400	-50	9.450	+400	8.850	+100	9.450	-50	9.450	-	9.450	9.300
